

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/12/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Chính.

2. Bà Lò Cui Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số:17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thào D.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai – (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Sùng Dìn C.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai- (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2024 và bản tự khai ngày 11 tháng 10 năm 2024 nguyên đơn chị Thào D trình bày: Chị và anh S Dìn Cáo lấy nhau năm 2011 và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh

Lào Cai vào ngày 18/11/2011. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh C đã sống ly thân nhau từ tháng 04/2024 không ai quan tâm đến ai mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng chị và anh C không về chung sống được. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S Dìn Cáo.

Về con : Trước khi kết hôn chị và anh S Dìn Cáo không ai có con riêng, sau khi lấy nhau về anh, chị sinh được ba người con chung cháu lớn tên là Sùng Quang M sinh ngày 10/10/2012, cháu thứ hai là Sùng Tâm Sơn sinh ngày 09/07/2015, cháu thứ ba là Sùng Ngọc Thủy sinh ngày 21/02/2018. Nguyên vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Nhường quyền cho anh S Dìn Cáo chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Sùng Quang M và Sùng Tâm S1 đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng và sau khi lấy nhau về tạo dựng được một số tài sản nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ : Chị và anh S Dìn Cáo không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2024 bị đơn Sùng Dìn Cáo trình bày :

- Về quan hệ hôn nhân : Anh và chị Thào D lấy nhau năm 2011 và đến ngày 18/11/2011 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Từ khi lấy nhau về thời gian đầu sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên. Đến nay chị Thào D làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị Thào D vì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn mong Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con: Trong thời gian chung sống anh, chị không ai có con riêng mà sau khi lấy nhau về sinh được ba người con chung cháu lớn tên là Sùng Quang M sinh ngày 10/10/2012, cháu thứ hai là Sùng Tâm Sơn sinh ngày 09/07/2015, cháu thứ ba là Sùng Ngọc Thủy sinh ngày 21/02/2018. Nguyên vọng của anh nếu chị Thào D cương quyết ly hôn thì anh sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu M, S1 và T đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Thào D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ba cháu mỗi tháng là 1.200.000 đồng (Hai triệu đồng)/cháu tổng cộng cấp dưỡng cho ba cháu là 3.600.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho anh S Dìn Cáo đúng quy định của pháp luật nhưng anh C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt cho anh C quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Chị Thào D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Thào D và anh S Dìn Cáo lấy nhau vào năm 2011, đi đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2011. Năm 2024 anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống anh chị đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 điều 56 chị Thào D được ly hôn anh S Dìn Cáo.

Về con chung: Trước khi kết hôn chị và anh S Dìn Cáo không ai có con riêng, sau khi lấy nhau về anh, chị sinh được ba người con chung cháu lớn tên là Sủng Quang M sinh ngày 10/10/2012, cháu thứ hai là Sủng Tâm Sơn sinh ngày 09/07/2015, cháu thứ ba là Sủng Ngọc Thủy sinh ngày 21/02/2018. Nguyên vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sủng Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Nhường quyền cho anh S Dìn Cáo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sủng Quang M và cháu Sủng Tâm S1 đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Sủng Dìn C1 có nguyện vọng sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu M, S1 và T đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Thào D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ba cháu mỗi tháng là 1.200.000 đồng (Hai triệu đồng)/cháu tổng cộng cấp dưỡng cho ba cháu là 3.600.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy nguyện vọng của chị Thào D xin chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sủng Ngọc T là phù hợp vì tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của chị D cung cấp thu nhập là 4.000.000 đồng/ tháng, còn thu nhập của anh S Dìn Cáo cung cấp anh có mức thu nhập là 8.0000.000 đồng/ tháng. Anh C1 có nguyện vọng nuôi cả ba cháu và yêu cầu chị Thào D cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.200.000 đồng/ tháng là không phù hợp. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Sủng Quang M và Sủng Tâm S1 nguyện vọng ở với bố vì anh C1 có điều kiện kinh tế và mức thu nhập cao hơn chị Thào D. Nên giao cho chị Thào D được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sủng Ngọc T đến tuổi trưởng

thành. Giao hai cháu Sùng Quang M và Sùng Tâm S1 cho anh S Dìn Cáo nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với thu nhập của chị D và anh C1. Vì vậy áp dụng khoản 1, 2 điều 81 ; khoản 1,3 điều 82, khoản 1,2 điều 83 của luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về tài sản và khoản nợ: Chị Thào D và anh S Dìn Cáo không ai có tài sản riêng, sau khi lấy nhau về tạo dựng được một số tài sản chung không yêu cầu giải quyết, khoản nợ cũng không nợ ai và cho người khác vay nợ tiền hoặc tài sản gì. Vì vậy không xem xét giải quyết giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 236 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí đối với các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Sùng Dìn Cáo theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, và Tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải theo thủ tục chung để giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S Dìn Cáo nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Sùng Dìn Cáo không có mặt. Chị Thào D có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2 ]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào D và anh S Dìn Cáo xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 và đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/ 2024 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau chị D và anh C1 đã sống ly thân từ 04/2024 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng chị Thào D và anh S Dìn cáo không quay trở về đoàn tụ được. Tòa xét thấy để đảm bảo cuộc sống sau này của mỗi người, chị Thào D đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Dìn C2 là có cơ sở, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 56 của luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. Về con: Trước khi kết hôn chị và anh S Dìn Cáo không ai có con riêng, sau khi lấy nhau về anh, chị sinh được ba người con chung cháu lớn tên là Sùng Quang M sinh ngày 10/10/2012, cháu thứ hai là Sùng Tâm Sơn sinh ngày 09/07/2015, cháu thứ ba là Sùng Ngọc Thủy sinh ngày 21/02/2018.

Nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Nhưng quyền cho anh S Dìn Cáo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sùng Quang M và cháu Sùng Tâm S1 đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Sùng Dìn C1 có nguyện vọng sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu M, S1 và T đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Thào D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ba cháu mỗi tháng là 1.200.000 đồng (Hai triệu đồng)/cháu tổng cộng cấp dưỡng cho ba cháu là 3.600.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy nguyện vọng của chị Thào D xin chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Ngọc T là phù hợp vì tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của chị D cung cấp thu nhập là 4.000.000 đồng/ tháng, còn thu nhập của anh S Dìn Cáo cung cấp anh có mức thu nhập là 8.0000.000 đồng/ tháng. Anh C1 có nguyện vọng nuôi cả ba cháu và yêu cầu chị Thào D cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.200.000 đồng/tháng là không phù hợp. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Sùng Quang M và Sùng Tâm S1 nguyện vọng ở với bố vì anh C1 có điều kiện kinh tế và mức thu nhập cao hơn chị Thào D. Nên giao cho chị Thào D được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Giao hai cháu Sùng Quang M và Sùng Tâm S1 cho anh S Dìn Cáo nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị T1 dâu và anh S Dìn Cáo đủ điều kiện chăm sóc giáo dục các cháu, Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với thu nhập của chị D và anh C1. Vì vậy áp dụng khoản 1,2 điều 81 ; khoản 1,3 điều 82, khoản 1,2 điều 83 của luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị Thào D và anh S Dìn Cáo không có tài sản riêng và tạo dựng được một số tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị Thào D1 và anh S Dìn Cáo không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Thào D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điều khoản 1 Điều 56 ; Khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Chị Thào D được ly hôn với anh Sùng Dìn C1.

Về con: Giao cháu Sùng N Thủy sinh ngày 21/02/2018 cho chị Thào D chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi, Giao hai cháu Sùng Quang M sinh ngày 10/10/2012 và cháu Sùng Tâm S1 sinh ngày 09/07/2015 cho

anh S Dìn Cáo chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào.

Chị Thào D và anh S Dìn Cáo có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Thào D và anh S Dìn Cáo thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Thào D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: BLTU/23P số: 0001837 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị Thào D và anh S Dìn Cáo vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bản Lâu;
- Dương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa** - VKSND tỉnh+ huyện;

**Đặng Hải Quân**